

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN EA SÚP

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 01/2020/HC-ST

Ngày 30 - 9 - 2020

V/v khiếu kiện hành vi hành chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Quốc Chính**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đặng Thị Thanh Nhung**

Ông **Bành Trọng Bình**

-Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông **Trần Dương Công** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2020/TLST – HC ngày 06 tháng 07 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST- HC ngày 11 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Lê Đình P** – SN: 1976

Địa chỉ: Thôn 07, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Võ Đình S** – SN: 1964

Địa chỉ: Số 170 đường S, phường E, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 6 năm 2020 (Có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã E

Địa chỉ: Thôn 07, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

Ông **Vương Huân Tr** – SN: 1963 - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, theo Giấy ủy quyền ngày 13 tháng 8 năm 2020 (Có mặt).

Ông **Nguyễn Đình T** – SN: 1986 - Chức vụ: Công chức Địa chính - Xây dựng xã E, theo Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 9 năm 2020 (Có mặt).

- Người làm chứng:

Ông **Y Sum Ê B** – SN: 1962

Địa chỉ: Thôn 08, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Ông Hoàng Xuân T1 – SN: 1957

Địa chỉ: Thôn 07, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn H – SN: 1965

Địa chỉ: Thôn 07, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Ông Thiệu Quang L – SN: 1954

Địa chỉ: Thôn 07, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Bà Phạm Thị H1 – SN: 1950

Địa chỉ: Thôn 07, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị H2 – SN:

Địa chỉ: Thôn 07, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của ông Lê Đình P, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và lời khai tại phiên tòa hôm nay của ông Võ Đình S là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông P có 01 lô đất đã có nhà được xây dựng kiên cố trên diện tích đất 439,4m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 98 tại thôn 07, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc của thửa đất là do ông Hoàng Xuân T1 khai hoang vào năm 1987. Đến năm 1988 ông T1 đã sang nhượng lại cho ông Nông Xuân B1. Năm 1989 ông B1 có mượn 01 khung nhà gỗ của ông Y Sum Ê B về làm nhà ở trên thửa đất này. Thời điểm này đất thuộc địa phận của Lâm trường R mà chưa thành lập xã E. Năm 1999 ông B1 đã sang nhượng thửa đất và căn nhà gỗ trên cho ông Lê Đình P. Sau khi nhận sang nhượng tài sản trên gia đình ông P mới biết căn nhà gỗ của ông Y Sum Ê B đã cho ông B1 mượn làm nhà ở từ năm 1999. Nên cũng trong năm 1999 gia đình ông P đã làm một căn nhà gỗ khác và tháo dỡ căn nhà gỗ cũ trả lại cho ông Y Sum Ê B. Từ năm 1999 đến nay gia đình ông P sinh sống, sử dụng đất liên tục, ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch khu dân cư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đến năm 2019 gia đình ông P làm đơn lập các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 439,4m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 98 tại thôn 07, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nêu trên. Về nội dung, nguồn gốc và thời gian đã có căn nhà gỗ trên thửa đất là vào năm 1989. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã E lại xác nhận là năm 1998. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất năm 1999. Sau khi nhận bộ hồ sơ này ông P không đồng ý và có ý kiến đề nghị UBND xã E xác nhận lại cho đúng nội dung sự thật là nguồn gốc đất là ông T1 khai hoang, lấn chiếm năm 1987 và thời gian sang nhượng năm 1988, thời điểm tạo lập tài sản vào năm 1989 khi chưa thành lập xã E. Ông Y Sum Ê B cũng xác nhận thời điểm năm 1989 ông Y Sum Ê B đã cho ông B1 mượn khung nhà gỗ để làm nhà nhưng UBND xã E vẫn không xác nhận nội dung trên cho đúng sự thật. Hành vi hành chính của những người được UBND xã E giao thực hiện thẩm quyền quản lý đất đai đã được thực hiện không đúng chức trách và quy trình xác minh nguồn gốc

sử dụng đất của gia đình ông P. Hành vi này xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông P theo quy định của pháp luật đất đai về thời điểm sử dụng đất và thời điểm tạo lập tài sản trên đất là điều kiện để Nhà nước xem xét xác định nghĩa vụ tài chính khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy ông P làm đơn khiếu kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết buộc UBND xã E thực hiện xác nhận nội dung cho đúng sự thật là nguồn gốc, thời gian ông Hoàng Xuân T1 khai hoang, lấn chiếm năm 1987 và thời gian sang nhượng năm 1988, thời điểm tạo lập tài sản vào năm 1989 khi chưa thành lập xã E.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND xã E ông Vương Huân Tr, ông Nguyễn Đình T trình bày:

Ngày 10/6/2019 UBND xã E đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Đình P, địa chỉ thôn 07, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đối với thửa đất số 93 thuộc tờ bản đồ số 98, diện tích 439,4m².

Ngày 11/6/2019 UBND xã tổ chức điều tra, xác minh đất đai để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 12/6/2019 Ban tự quản thôn 07, xã E tổ chức lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, kết quả xác định nguồn gốc sử dụng đất là do gia đình ông Hoàng Xuân T1 tự lấn chiếm, khai phá năm 1987 mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, thuộc quyền quản lý của Lâm trường R, không có văn bản ngăn chặn. Đến năm 1988 sang nhượng lại cho ông Nông Xuân B1 (không có giấy tờ gì), năm 1998 ông B1 mượn nhà của ông Y Sum Ê B về dựng để làm nhà ở. Năm 1999 ông Nông Xuân B1 sang nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Đình P (không có giấy tờ gì), năm 1999 ông Y Sum Ê B lấy lại nhà.

UBND xã nôm nệ công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 14/6/2019 đến ngày 28/6/2019 (15 ngày). Kết quả sau 15 ngày UBND xã không nhận được ý kiến hay đơn thư gì liên quan đến các nội dung công khai trên.

Căn cứ vào kết quả trên và kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính (bản đồ, sổ mục kê) ngày 01/7/2019 UBND xã có xác nhận vào mục II các nội dung của đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể: Nội dung kê khai so với hiện trạng đất xây dựng nhà ở; Nguồn gốc sử dụng đất:

Đất do gia đình ông Hoàng Xuân T1 tự lấn chiếm, khai phá năm 1987 mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, thuộc quyền quản lý của Lâm trường R, tại thời điểm lấn chiếm không có văn bản ngăn chặn. Đến năm 1988 sang nhượng lại cho ông Nông Xuân B1 (không có giấy tờ gì), năm 1998 ông B1 mượn nhà của ông Y Sum Ê B về dựng để làm nhà ở. Năm 1999 ông Nông Xuân B1 sang nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Đình P (không có giấy tờ gì), năm 1999 ông Y Sum Ê B lấy lại nhà, ông Lê Đình P sử dụng từ đó đến nay; Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký 1998; Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất 1999; Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Đất không tranh chấp; Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: Diện tích đất ở phù hợp với quy hoạch sử dụng đất trong quy hoạch nông thôn mới, diện tích đất nông nghiệp không phù

hợp với quy hoạch sử dụng đất trong quy hoạch nông thôn mới (quy hoạch đất ở) đã được UBND huyện E phê duyệt. Diện tích đất nông nghiệp thuộc quy hoạch điểm dân cư nông thôn.

Ngày 02/7/2019 Công chức địa chính ủy quyền cho ông Lê Đình P nộp hồ sơ của ông Lê Đình P tại phòng 01 của UBND huyện E. Sau đó mấy ngày ông P yêu cầu UBND xã xác nhận lại hồ sơ của ông nội dung làm nhà ở từ năm 1989. Tuy nhiên ông P không cung cấp được giấy tờ hợp pháp chứng minh làm nhà năm 1989 nên UBND xã không có cơ sở xác nhận. Vì vậy UBND xã E xác nhận nguồn gốc đất, thời gian sang nhượng đất, thời điểm lập tài sản từ năm 1998 là hợp pháp nên UBND xã E không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Đình P mà vẫn giữ nguyên nội dung UBND xã E đã xác nhận.

Quá trình tố tụng những người làm chứng:

Ông Y Sum Ê B, ông Hoàn Xuân T1, ông Nguyễn Văn H trình bày: Năm 1989 ông B1 có mượn khung nhà gỗ của ông Y Sum Ê B về làm nhà trên phần đất ông B1 nhận chuyển nhượng của ông T1, một thời gian ông B1 không ở nữa nên ông Y Sum Ê B đến gỡ nhà mang về, việc ủy UBND xã E đã xác nhận ông B1 mượn nhà ông Y Sum Ê B năm 1998 là không đúng sự thực.

Ông Thiệu Quang L, bà Phạm Thị H1, bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Ông, bà có ký vào phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 12/6/2019 và biên bản xác minh đất đai để cấp giấy CN-QSD đất ngày 11/6/2019 nhưng khi ký không có nội dung cần xác nhận mà chỉ là giấy có đánh máy, không tổ chức họp thôn, ông L vào năm 2000, bà H1 vào năm 1998 nên ông, bà khẳng định không xác nhận đối với nội dung tại phiếu lấy ý kiến và biên bản xác minh trên.

Ngày 11/09/2020 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, các đương sự đều thống nhất với chứng cứ đã giao nộp, chứng cứ Tòa án thu thập và không yêu cầu phản tố không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến phiên tòa, về đối thoại người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên ý kiến nên việc đối thoại không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án, đơn khởi kiện bổ sung theo quy định của pháp luật, tổng đạt các văn bản cho người tham gia tố tụng đúng thời hạn, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo Điều 20, 38, 136, 138 Luật tố tụng hành chính năm 2015, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng thời hạn theo Điều 130, 142, 146 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa sơ thẩm, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 40, 167, 169 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng hành chính năm 2015. Về việc giải quyết vụ án, căn cứ, tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện có cơ sở nên đề nghị

Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình P. Buộc UBND xã E thực hiện quy trình xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Đình P khiếu kiện UBND xã E về việc xác nhận diện tích đất 439,4m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 98 tại thôn 07 xã E với nội dung “Thời điểm tạo lập tài sản vào năm 1998” không đúng thực tế với thời điểm tạo lập tài sản đối với thửa đất trên của ông là vào năm 1989 khi chưa thành lập xã E, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Đây là khiếu kiện hành vi hành chính đối với UBND xã E, huyện E, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết buộc UBND xã E thực hiện xác nhận nội dung cho đúng sự thật là nguồn gốc, thời gian ông Hoàng Xuân T1 khai hoang, lấn chiếm năm 1987 và thời gian sang nhượng năm 1988, thời điểm tạo lập tài sản vào năm 1989 khi chưa thành lập xã E. Lý do UBND xã E thực hiện xác nhận nội dung “thời điểm tạo lập tài sản vào năm 1998” chưa đúng sự thật, hành vi này xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông P, theo quy định của pháp luật đất đai về thời điểm sử dụng đất và thời điểm tạo lập tài sản trên đất là điều kiện để Nhà nước xem xét xác định nghĩa vụ tài chính khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Hội đồng xét xử nhận định: Đối với việc xác nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 439,4m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 98 tại thôn 07, xã E:

[4] Về căn cứ pháp lý, thẩm quyền xác nhận: UBND xã E nơi có đất đã tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Lê Đình P, Ủy ban nhân dân xã đã thẩm tra, xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất, thẩm tra, xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt; Công bố công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã trong thời gian mười lăm (15) ngày theo đúng quy định tại Điều 101 Luật Đất đai 2013 và quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai. Người ký xác nhận nội dung hồ sơ là Phó Chủ tịch UBND xã đại diện Ủy ban xã là đúng thẩm quyền.

[5] Về quy trình xác minh, thu thập thông tin về nguồn gốc sử dụng đất: Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Đình P không có các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 nên vào ngày 12/6/2019 ban tự quan thôn có lập phiếu lấy ý kiến của những người có đất liền kề là ông Thiều Quang L, bà Phạm Thị H1, tuy nhiên ông L vào sinh sống tại xã E vào năm 2000 đến năm 2004 mới đăng ký hộ khẩu thường trú, bà H1 vào năm 1998 tức sau thời điểm ông T1 khai hoang chuyển nhượng đất cho ông B1, ông B1 mượn nhà ông Y Sum Ê B, ông B1 chuyển nhượng đất cho ông Lê Đình P nên việc xác nhận của ông L, bà H1 là không khách quan, chưa phù hợp pháp luật. Quá trình xác minh ông L, bà H1, bà H2 khẳng định ông, bà chỉ ký vào phiếu lấy ý kiến và biên bản xác minh, còn nội dung nguồn gốc sử dụng đất ông, bà không biết không xác nhận, vì thôn không tổ chức họp lấy ý kiến. Tại hồ sơ xin cấp đất đều thể hiện người chuyển nhượng đất cho ông B1 là ông Hoàng Xuân T1 hiện đang cư trú tại thôn 7, xã E, người cho ông Nông Xuân B1 mượn khung nhà gỗ là ông Y Sum Ê B cư trú tại thôn 8, xã E nhưng không được đưa vào lấy ý kiến nên không bảo đảm tính chính xác của thông tin nguồn gốc đất.

[6] Về nội dung trả lời công dân: Sau khi nhận hồ sơ, ông Lê Đình P đã yêu cầu UBND xã E xác nhận lại hồ sơ và cung cấp giấy xác nhận của ông Y Sum Ê B ngày 04/7/2019 về việc cho ông B1 mượn nhà tuy nhiên UBND xã không xem xét lại hồ sơ, không hướng dẫn ông P làm đơn khiếu nại để giải quyết theo thủ tục khiếu nại mà trả lời bằng bản ghi ý kiến ngày 23/8/2019 là chưa đúng quy định của Luật khiếu nại.

Quá trình giải quyết Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ, lấy lời khai người làm chứng và mở phiên họp công khai chứng cứ ngày 11/09/2020, người bị kiện đã được tiếp cận chứng cứ nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù, về thẩm quyền xác nhận, thời hạn niêm yết hồ sơ, UBND xã thực hiện đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên việc UBND xã căn cứ Phiếu lấy ý kiến khu dân cư, Biên bản xác minh đất đai không khách quan, không đúng quy trình. Việc trả lời yêu cầu của ông P không đúng quy định của Luật khiếu nại, dẫn đến hành vi xác nhận hồ sơ của UBND xã E không khách quan, xác thực, không đúng quy định của Luật đất đai 2013 và Điều 20, 21, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình P. Buộc UBND xã E thực hiện lại quy trình xem xét, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ, diện tích đất 439,4m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 98 tại thôn 07, xã E cho ông Lê Đình P theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[07] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 7 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên ông Lê Đình P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Người bị kiện không được Tòa án chấp nhận yêu cầu nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 116; Điều 164; Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 20, 21, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Đình P. Buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện lại quy trình xem xét, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ, diện tích đất 439,4m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 98 tại thôn 07, xã E cho ông Lê Đình P theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 7 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Ủy ban nhân dân xã E phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho ông Lê Đình P 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0011868 ngày 06/07/2020.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm,.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- THADS huyện E;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Lưu Quốc Chinh